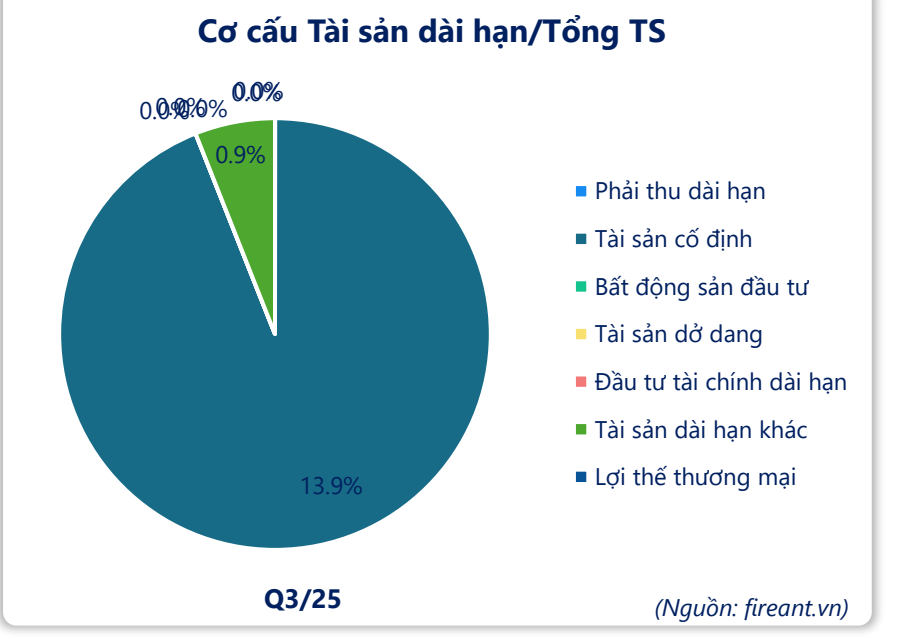
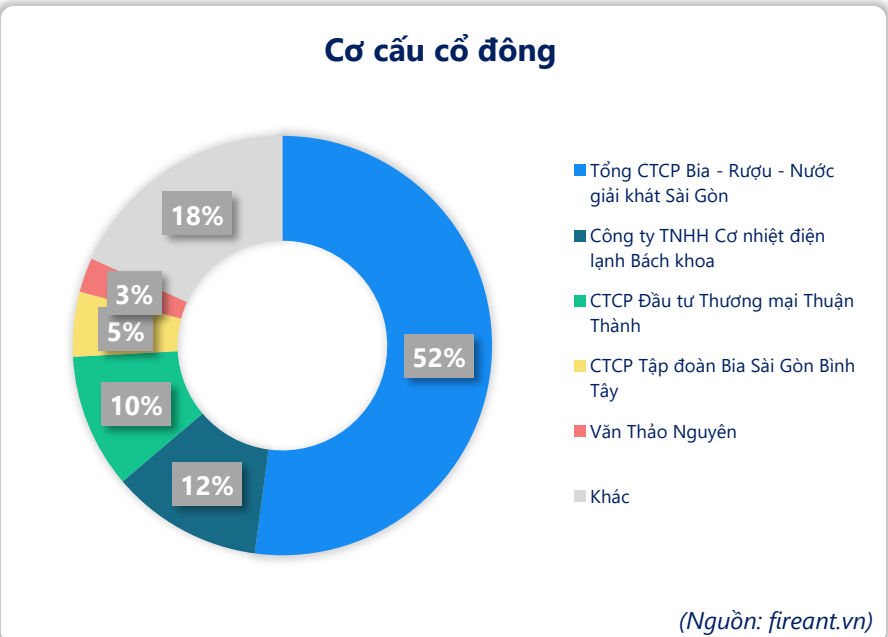
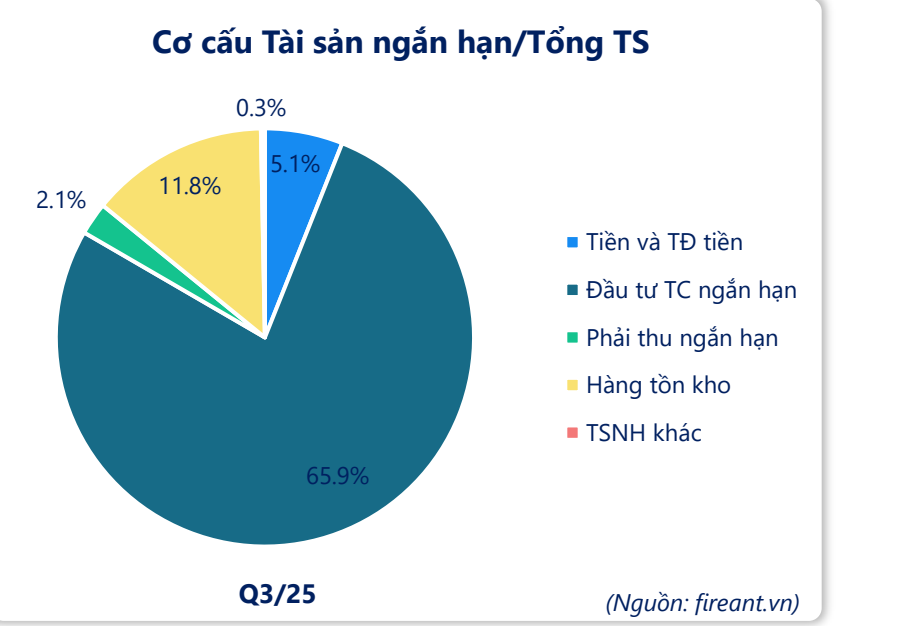
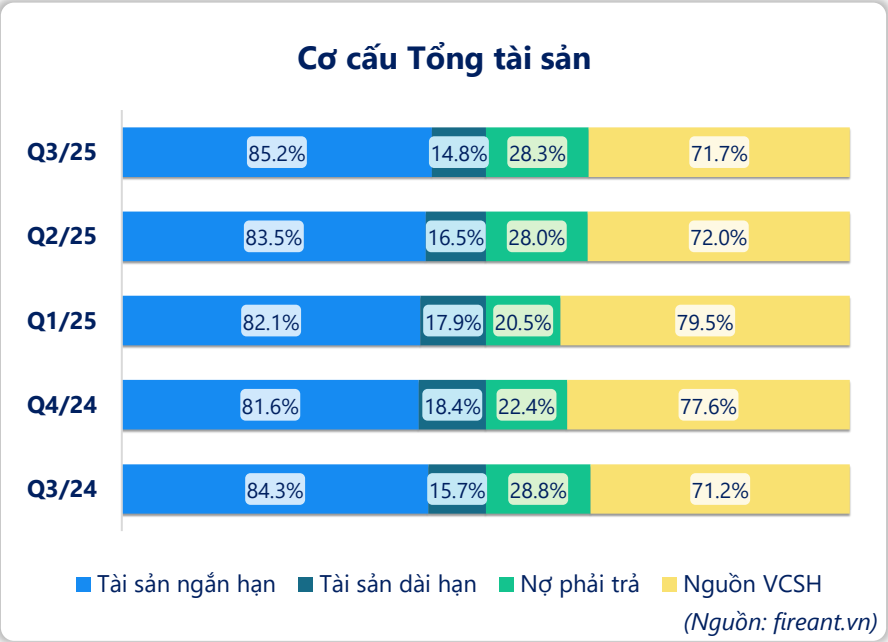
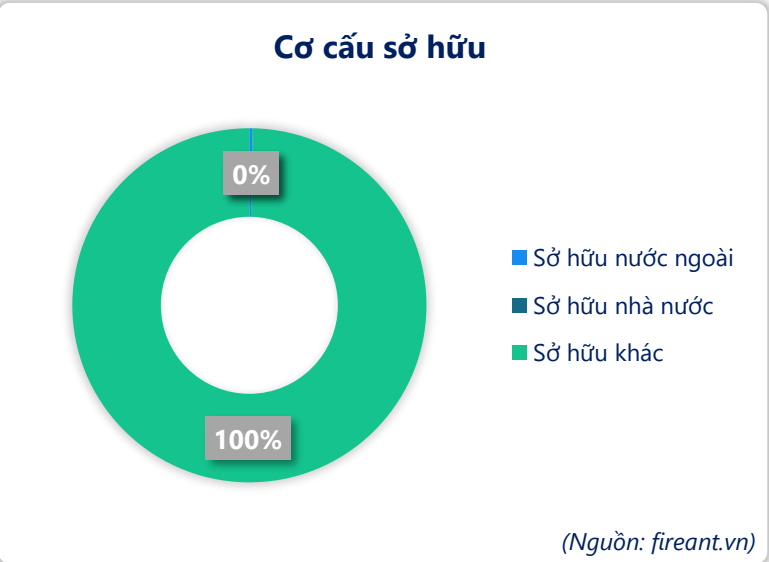
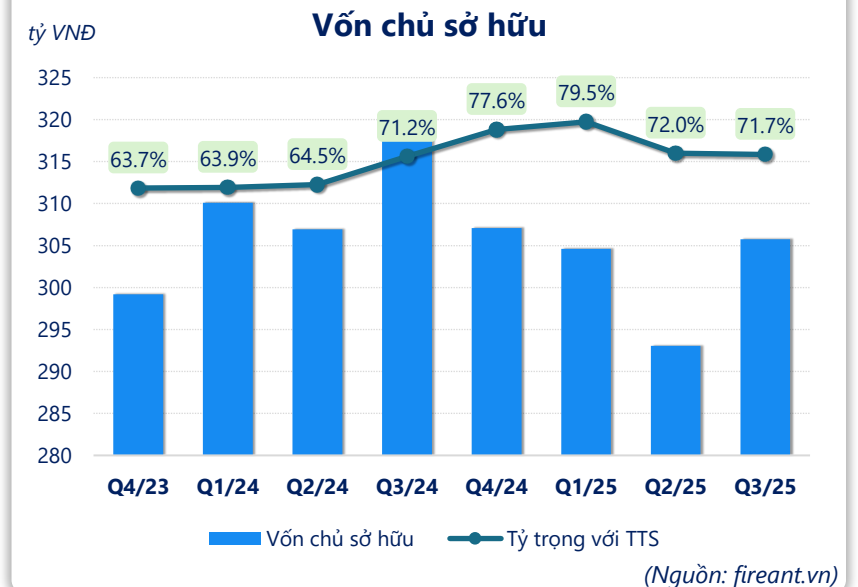
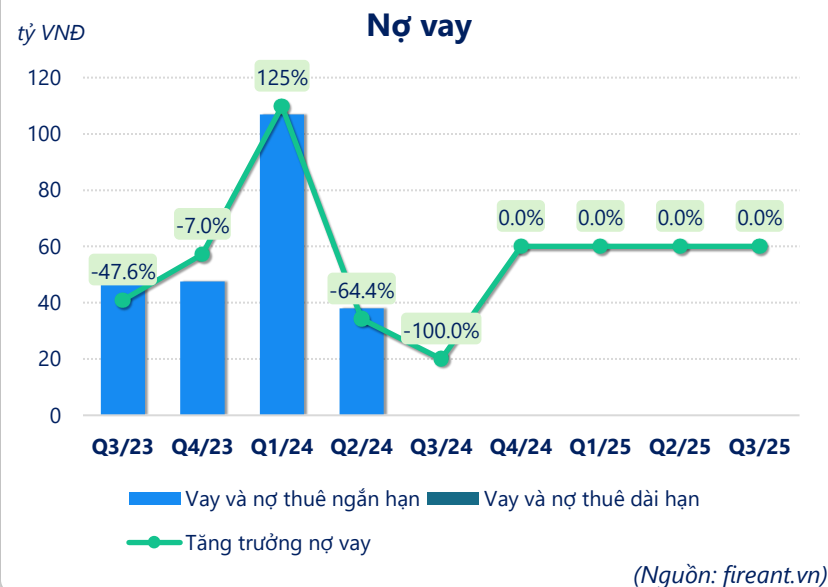
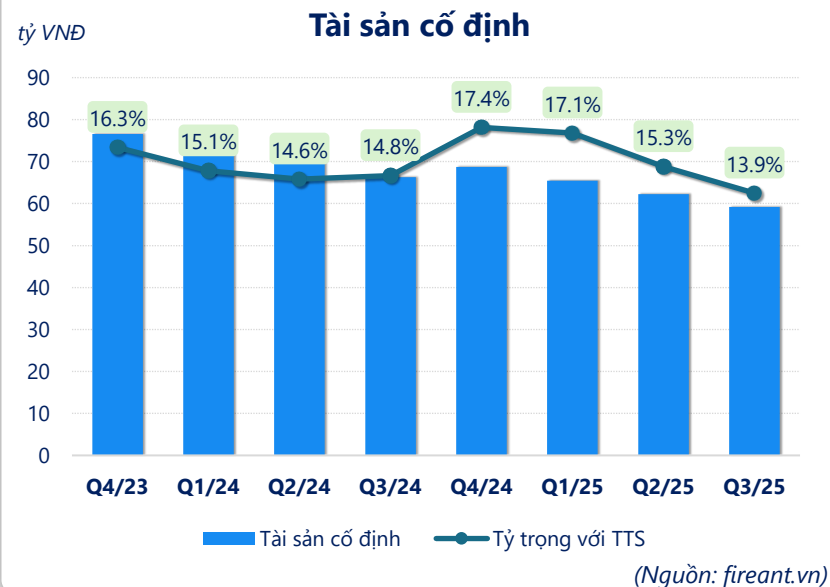
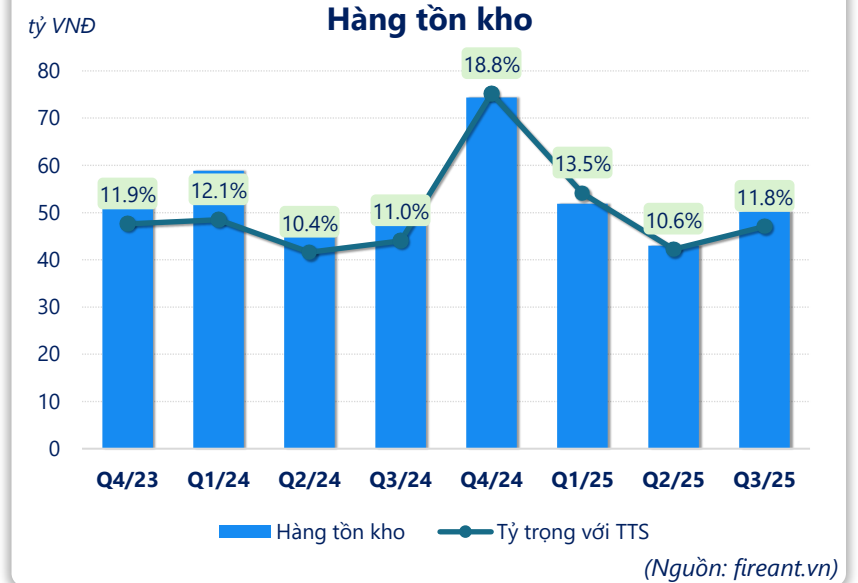
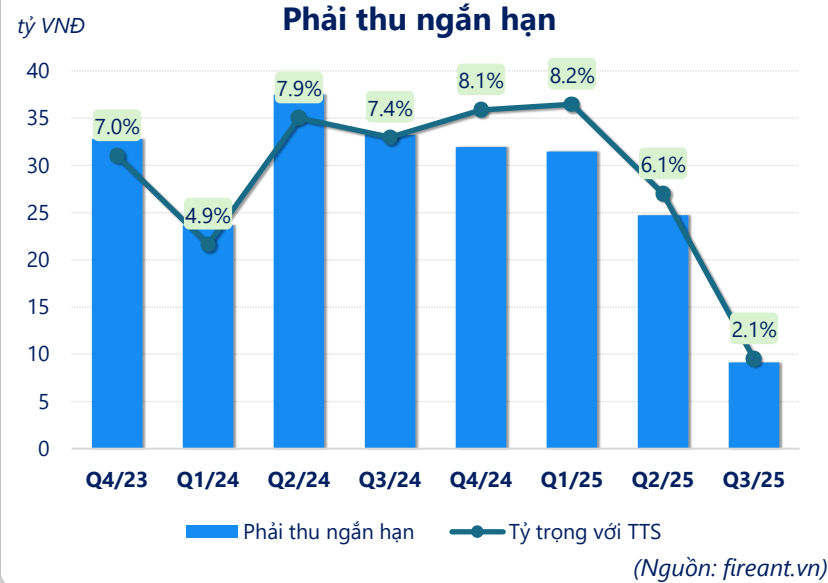
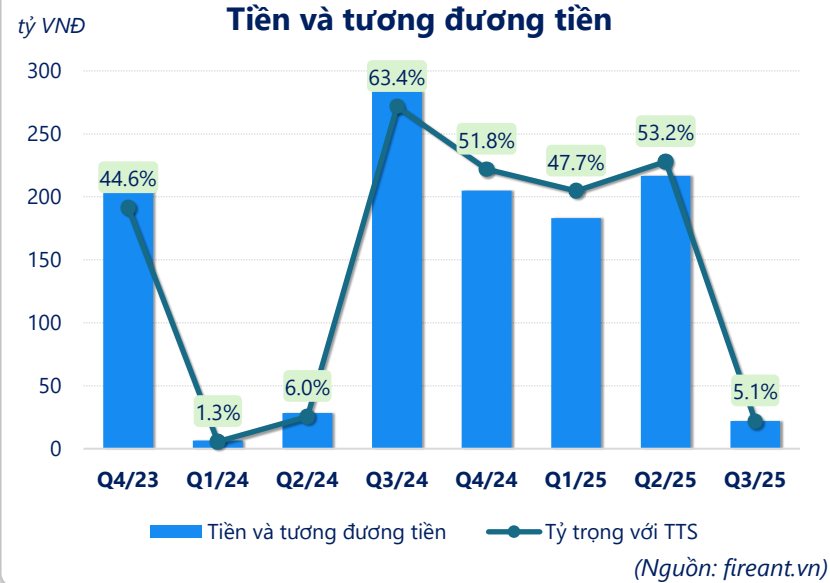
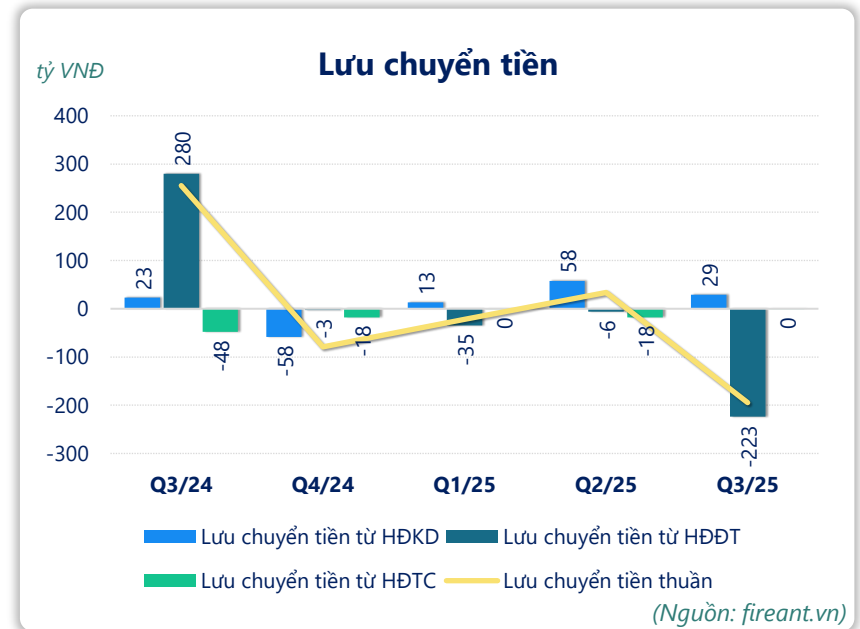
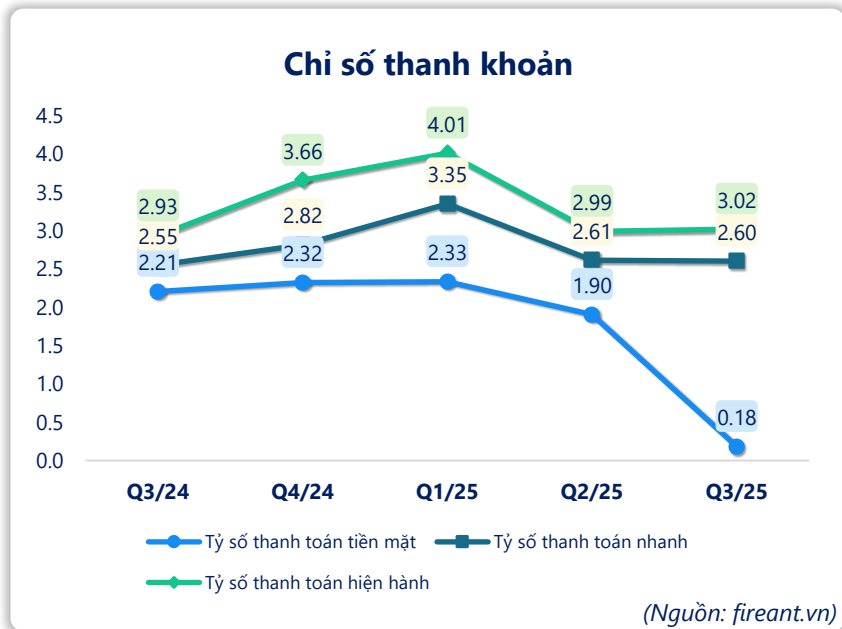
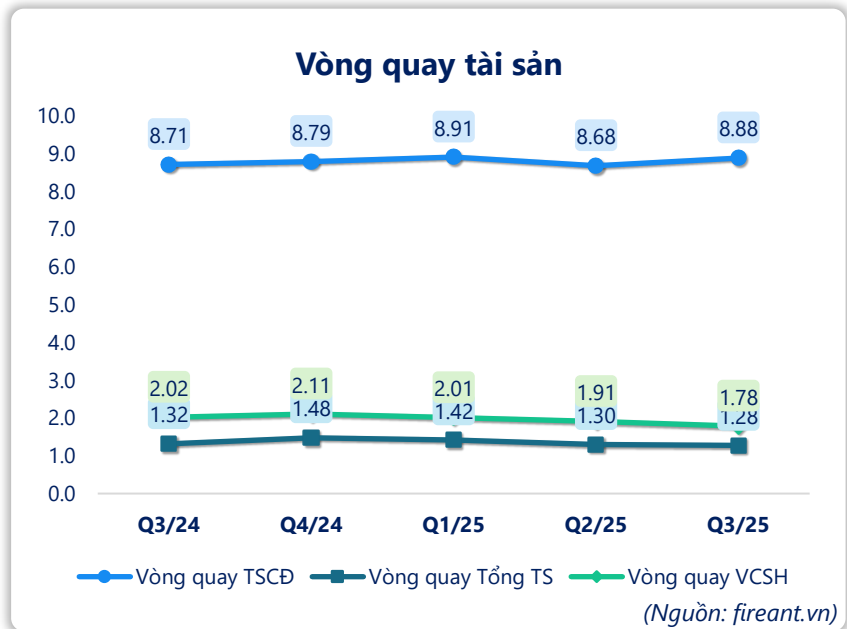
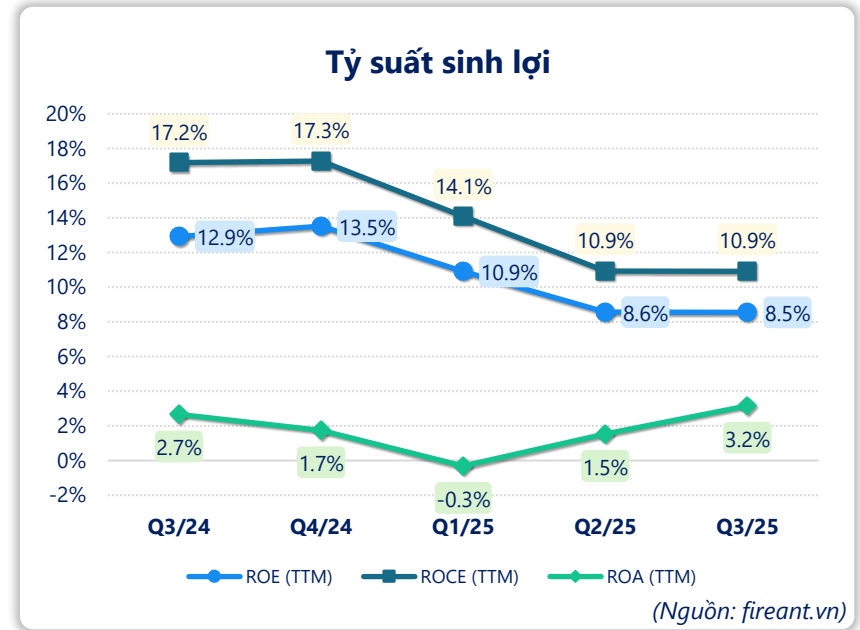
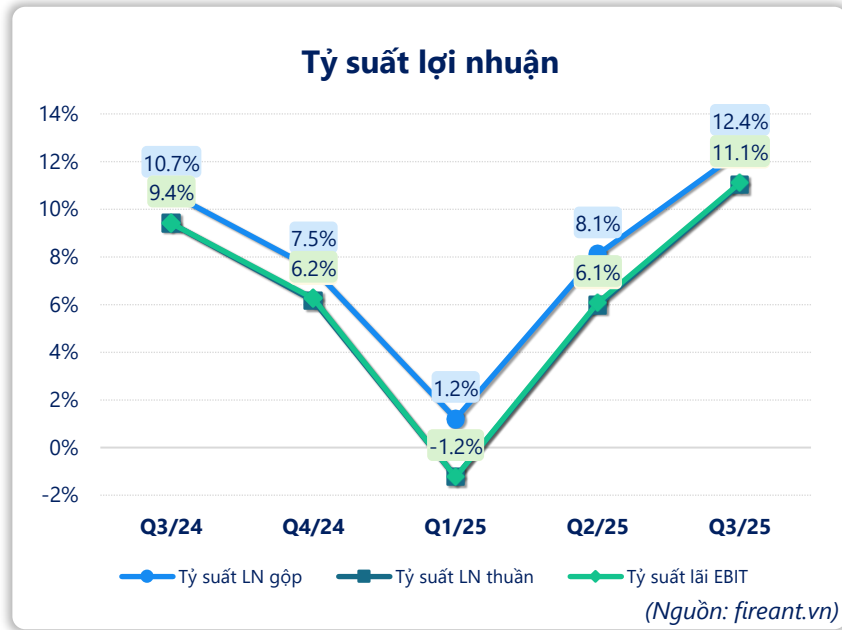
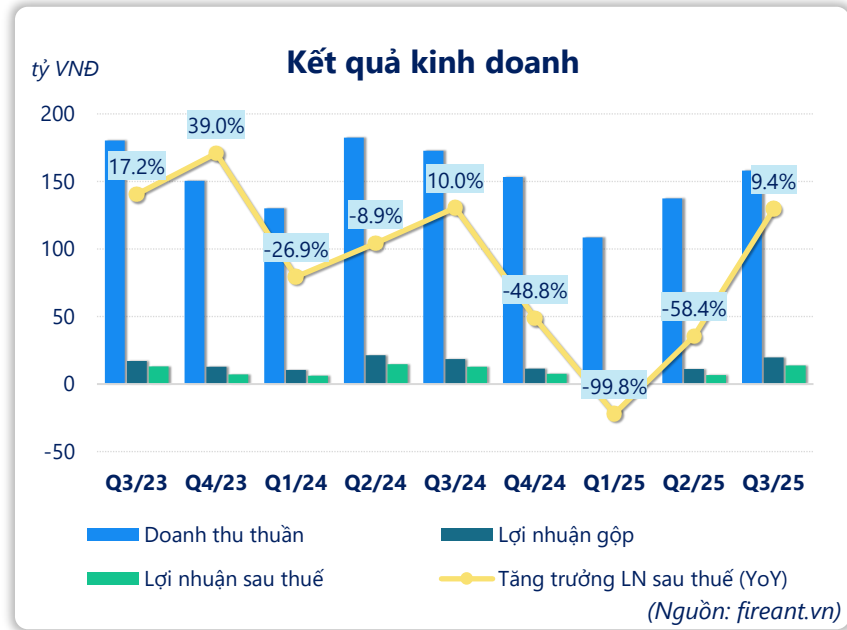


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,673
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,273
SL cổ phiếu LH		18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		350
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		349
P/E		13.1
EPS		1,483

	YTD	1T	3T	6T
BSH	8.7%	12.1%	7.2%	-11.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	426	396	7.8%
Tài sản ngắn hạn	363	323	12.6%
Tiền và tương đương tiền	21.9	205	-89.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	281	10.0	2710%
Phải thu ngắn hạn	9.12	31.9	-71.4%
Hàng tồn kho	50.2	74.3	-32.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	1.66	-32.5%
Tài sản dài hạn	63.0	72.8	-13.5%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	59.2	68.7	-13.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.78	4.14	-8.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	121	88.5	36.3%
Nợ ngắn hạn	120	88.2	36.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.6	15.2	-3.7%
Nợ dài hạn	0.34	0.25	36.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	306	307	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	306	307	-0.4%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	173	153	109	137	158
Giá vốn hàng bán	154	142	107	126	138
Lợi nhuận gộp	18.4	11.5	1.31	11.1	19.6
Doanh thu HĐTC	2.58	3.14	2.15	2.62	3.16
Chi phí TC	0.00	0	0	0.04	0.10
Chi phí lãi vay	0.00	0	0	0.04	0.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.76	0.94	0.46	0.91	0.65
Chi phí QLDN	3.97	4.24	4.34	4.60	4.58
LN thuần từ HĐKD	16.2	9.43	-1.34	8.20	17.4
Lợi nhuận khác	0.00	0.15	0.00	0.10	0.01
LN trước thuế	16.2	9.58	-1.34	8.30	17.4
Lợi nhuận sau thuế	12.8	7.51	-1.36	6.76	13.8
LNST của CĐ cty mẹ	12.8	7.51	-1.36	6.76	13.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.9	-58.3	12.9	57.9	28.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	280	-2.66	-34.7	-6.39	-223
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-47.8	-17.9	-0.03	-18.0	-0.02
Tiền đầu kỳ	28.4	284	205	183	216
Lưu chuyển tiền thuần	255	-78.8	-21.9	33.6	-195
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	284	205	183	216	21.9

(Nguồn: fireant.vn)